

Silver Creek High School (Trung học Phổ thông Silver Creek)

2022-2023 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (Xuất bản trong năm học 2023-2024)



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường học công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web về LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng thông tin Trường học California (Bảng thông tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học sinh. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2023 – 2024

Tên Trường	Silver Creek High School (Trung học Phổ thông Silver Creek)
Đường	3434 Silver Creek Road
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose, CA 95121
Số điện thoại	408.347.5600
Hiệu trưởng	Kelly Daugherty
Địa chỉ Email	daughertyk@esuhsd.org
Trang web của Trường	https://silvercreekhhigh.esuhsd.org
Mã Học khu của Quận (CDS)	43694274337903

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2023-24

Tên Học khu	East Side Union High School District (Học Khu Trung Học Phổ Thông East Side Union)
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám đốc	Glenn Vander Zee
Địa chỉ Email	vanderzeeg@esuhsd.org
Trang web Học khu	www.esuhsd.org

Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

Silver Creek High School mở cửa đón học sinh vào tháng Chín năm 1969 để phục vụ lượng cư dân ngày càng tăng của khu vực Evergreen Valley ở phía đông nam San Jose. Từ đó đến nay, nhà trường đã phát triển mạnh mẽ, với hơn 2.200 học sinh đều có quyền bình đẳng được tiếp cận nền giáo dục chất lượng trong môi trường an toàn, lành mạnh, quan tâm và cũng đặt ra nhiều thách thức cho các em vượt qua. Việc phục vụ một cộng đồng đa dạng về văn hoá, học thuật, kinh tế khiến cho Silver Creek thật sự là một trường trung học phổ thông độc đáo và ưu tú.

Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh, chúng tôi cung cấp nhiều khoá Bồi dưỡng Nâng cao và khóa học nâng cao để đáp ứng mong muốn của những học sinh đang tìm kiếm thử thách khó khăn hơn, đồng thời có khóa học hỗ trợ dành cho học sinh cần được trợ giúp thêm về học tập. Sự thành công rực rỡ của Chương trình 180 độ đã cho phép chúng tôi mở rộng chương trình, bao gồm một lớp dành cho học sinh lớp 9 và hai lớp dành cho học sinh lớp 10. Chúng tôi cũng phát triển chương trình Tiến lên bằng Quyết tâm Cá nhân (AVID) để giúp học sinh đi theo hướng tích cực. Hầu hết các trường trung học phổ thông khác không có những lớp học độc đáo, như khoa học pháp y và tiếng Nhật của Silver Creek High School.

Với sự hỗ trợ của cộng đồng, chúng tôi đã hiện đại hoá khuôn viên trường để mang lại lợi ích cho học sinh và cộng đồng. Chúng tôi có nhà hát và tòa nhà biểu diễn nghệ thuật tân tiến, đưa trọng tâm các hoạt động của học sinh trở lại trung tâm nhà trường. Chúng tôi đã hiện đại hoá các cơ sở vật chất cho thể thao dưới nước bằng cách xây dựng một bể bơi siêu lớn, cho phép nhà trường tổ chức các trận polo nước. Trung tâm thể dục thể hình mới mang đến cho học sinh cơ hội được trải nghiệm cảm giác phòng tập cộng đồng. Nhà trường cũng nâng cấp các khu vực chung để bao gồm cả cảnh quan và chỗ ngồi được

Mô tả và Tuyên bố sứ mệnh của nhà trường năm học 2023 – 2024

cập nhật. Chúng tôi đã cải tạo tòa nhà nghệ thuật trực quan và mười phòng học. Mùa thu này, một tòa nhà mới của nhà trường đã đi vào hoạt động. Tòa nhà mới có mười phòng học, tường hoàn toàn bằng kính và không gian rộng mở cho học sinh cộng tác với nhau.

Nhờ sự hỗ trợ của tất cả các bên liên quan, mục tiêu cao nhất của chúng tôi là xây dựng một cộng đồng bình đẳng, nơi đón nhận tất cả các em học sinh, đồng thời nắm rõ điểm mạnh và lĩnh vực phát triển của các em, cũng như hỗ trợ các em trên những phương diện đó. Người lớn sẽ đáp ứng tích cực nhu cầu cảm xúc xã hội, sức khỏe và học tập của từng học sinh. Giá trị của Lễ lồi Creek thấm nhuần vào các hoạt động hàng ngày của chúng tôi, ở cả trong và ngoài lớp học. Mọi học sinh có thể theo học tại San Jose State University (Đại học Tiểu bang San Jose) thông qua Lời hứa Phía Đông nếu em duy trì được GPA 2.0, hoàn thành khóa học A-G với điểm C trở lên và nộp hồ sơ đúng hạn.

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	553
Lớp 10	581
Lớp 11	608
Lớp 12	573
Tổng Ghi danh	2,315

2022-23 Student Enrollment by Student Group

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	50%
Nam	50%
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.4%
Người gốc Châu Á	51.8%
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	1.3%
Người Phi Luật Tân	8.1%
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	31.6%
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.4%
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	2.5%
Người Da trắng	3.8%
Sinh viên nói tiếng anh	15.4%
Những đứa con nuôi	0.1%
Vô gia cư	1.8%
Nhập cư	0.3%
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	30.7%

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	93.20	93.74	943.40	83.36	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	1.00	1.00	29.90	2.65	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.20	0.20	71.80	6.35	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.50	0.51	25.50	2.25	12115.80	4.41
Không xác định	4.50	4.53	60.90	5.39	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	99.50	100.00	1131.80	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	94.20	92.87	943.60	82.39	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	2.30	2.27	35.40	3.10	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	1.20	1.20	79.50	6.95	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.40	0.39	25.60	2.24	11953.10	4.28
Không xác định	3.30	3.26	60.90	5.32	15831.90	5.67

Tổng số vị trí giảng dạy	101.50	100.00	1145.30	100.00	279044.80	100.00
---------------------------------	--------	--------	---------	--------	-----------	--------

CDE đã công bố dữ liệu giáo viên có sẵn năm đầu tiên cho SARC năm học 2020 – 2021 vào tháng 6 năm 2022 và CDE đã công bố dữ liệu năm thứ hai cho SARC năm học 2021 – 2022 vào tháng 6 năm 2023. Mục 33126(b)(5) của EC yêu cầu dữ liệu giáo viên của ba năm gần đây nhất phải có trong SARC, vì dữ liệu có sẵn. Dữ liệu giáo viên cho SARC năm học 2022 – 2023 sẽ không có trước ngày 1 tháng 2 năm 2024, do đó không được đưa vào mẫu.

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	1.00
Bổ nhiệm sai	0.20	0.20
Các vị trí còn trống	0.00	0.00
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	0.20	1.20

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	0.00
Tùy chọn phân công nội bộ	0.50	0.40
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0.50	0.40

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Phân công lớp học

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	2.2	0.4
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	8.7	0

Dữ liệu năm học 2022 – 2023 không được đưa vào trong lần công bố dữ liệu đầu tiên vào ngày 13 tháng 1 năm 2023. CDE đã cho thấy dữ liệu sẽ có sẵn sau thời hạn SARC ngày 1 tháng 2 năm 2023 SARC. Dữ liệu sẽ được điền khi CDE công bố.

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Silver Creek High School sử dụng sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đã được Ủy ban Chính sách Giảng dạy (IPC) của chúng tôi phê duyệt và thông qua. Các học liệu này chủ yếu hỗ trợ trực tiếp việc giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn, phù hợp với việc giảng dạy cốt lõi chung.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

Tháng Mười Một năm 2022

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	Tiếng Anh 1 – CommonLit, Inc. Lớp 9, 2023 “The Language of Literature” Lớp 9, McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 2 – CommonLit, Inc. Lớp 10, 2023 “The Language of Literature” Lớp 10 McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 3 – MyPerspectives: American Literature//Pearson ERWC – Expository Reading and Writing Course Student Reader 2021 AP Thành phần và Ngôn ngữ – The Norton Reader AP Thành phần và Ngôn ngữ – The Intro to Literature	Có	0%
Toán	Tiêu chuẩn Tiểu bang Kiến thức Cốt lõi Chung (CCSS) Toán 1 – “Big Ideas Integrated Mathematics I”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 2 – “Big Ideas Integrated Mathematics II”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 3 – “Big Ideas Integrated Mathematics III”, Big Ideas Learning, LLC 2016 Giải tích Toán học – “Precalculus With Limits A Graphing Approach 8e” Cengage Learning 2020, 2015 AP Giải tích AB – “Calculus 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Giải tích BC – “Calculus 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Số Liệu Thống Kê – The Practice of Statistics, Bản cập nhật lần thứ 6: BFW; 2020 Khám phá Khoa học máy tính – ECS: Exploring Computer Science; Joanna Goode, Gail Chapman 2016 AP Khoa học máy tính A – Tài liệu trực tuyến AP Khoa học máy tính Căn Bản – Tài liệu trực tuyến Suy luận Toán học qua Các mối quan hệ – tài liệu về MRWC do trường Đại học Tiểu bang California (CSU) cung cấp	Có	0%
Khoa học	Tiêu chuẩn Khoa học cho Thế hệ tiếp (NGSS) cho môn Sinh học – The Living Earth – Sách điện tử CK-12 NGSS Chemistry in Earth’s System – Sách điện tử CK-12 NGSS Physics of the Universe – Sách điện tử CK-12 Khoa học Pháp y – A Hands-on Introduction to Forensic Science, 2014 AP Sinh học – Biology for the AP Course – Morris et al, Bedford, Freeman, & Worth 2022	Có	0%

	<p>AP Hóa học – Chemistry The Central Science – Brown & Lemay</p> <p>AP Vật lý 1 – Physics AP – Cutnell and Johnson, Wiley 2012</p> <p>AP Khoa học Môi trường – Living In The Environment – Miller/Spoonman – Cengage 2015</p> <p>Biotechnology: Science for the New Millenium, Daugherty</p> <p>Living Earth Essentials – Sách điện tử CK-12</p> <p>Physical Science Essentials – Sách điện tử CK-12</p> <p>Sinh học Biển – Marine Science – AMSCO 2004</p> <p>Sinh lý học – Hole's Essentials of Anatomy and Physiology, McGraw Hill, 2002</p>		
Lịch sử-Khoa học Xã hội	<p>Lịch sử Thế giới – “World History Interactive” SAVVAS 2022</p> <p>Lịch sử Mỹ – “United States History Interactive” SAVVAS 2022</p> <p>Chính quyền Mỹ – “Government Alive! Power, Politics and You” TCI 2014</p> <p>Kinh tế học – “Econ Alive! The Power to Choose” TCI 2015</p> <p>AP Lịch sử Thế giới – “The Earth and Its Peoples AP Edition” Cengage Learning 2018</p> <p>AP Lịch sử Mỹ – “America’s History for the AP Course” Bedford 2014</p> <p>AP Chính phủ – “Government in America” Pearson Learning 2014</p> <p>AP Kinh tế Vĩ mô/Vi mô – “Economics (AP)” McGraw Hill 2014</p> <p>AP Địa lý Con người – AP Địa lý Con người – “Human Geography for the AP Course” 2022</p> <p>AP Tâm lý học – “Psychology for AP” Worth 2015</p> <p>Địa lý Thế giới – “Geography Alive!” TCI 2011</p> <p>Different Mirror for Young People a History 2012</p> <p>Thinking About Psychology BFW 2019</p> <p>“The Real World An Introduction to Sociology” Norton 2022</p> <p>“Street Law” McGraw Hill 2023</p> <p>“Juvenile Justice” McGraw Hill 2023</p>	Có	0%
Ngoại ngữ	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
Giáo dục Sức khỏe	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)	Không có thông tin	Không có thông tin	0%0%

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Dưới sự hỗ trợ của học khu, Silver Creek High School nỗ lực hết sức để đảm bảo rằng tất cả cơ sở vật chất đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động bình thường. Những ưu tiên này được tái xét trong các buổi họp với nhiều nhóm phụ huynh, bao gồm nhưng không giới hạn ở Hội Phụ huynh-Giáo viên-Học sinh (PTSA), Nhóm Phụ huynh Người Mỹ gốc Phi, Nhóm Phụ huynh gốc Latinh, Nhóm Phụ huynh Người Việt và Hội đồng Cơ sở Trường học. Cơ sở nhà trường làm việc chăm chỉ để đảm bảo mọi cơ sở vật chất hiện tại đều hoạt động bình thường. Bộ phận hành chính và nhân viên giám hộ cố gắng đảm bảo rằng tất

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

cả cơ sở vật chất đều được vệ sinh và bảo dưỡng mỗi ngày hoặc khi cần. Nhà trường đã hiện đại hóa hạ tầng khí ga dưới lòng đất để giúp hỗ trợ việc dạy và học trên khuôn viên nhà trường trong nhiều năm về sau.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Tháng Mười năm 2023

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			Nhà trường thay mới toàn bộ đường khí ga và bộ điều tiết trong khuôn viên.
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			Nhìn chung, mọi thứ đều ở trong tình trạng tốt. Cần xem xét thay thảm mới ở một số tòa nhà trong vài năm nữa.
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
Điện	X			
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			Một vài không gian dùng dây điện nối dài để cấp điện, nhưng nhìn chung không có vấn đề lớn nào.
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thảm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thảm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	69	61	58	58	47	46
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	46	40	34	32	33	34

2022-23 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	602	568	94.35	5.65	61.27
Nữ	279	260	93.19	6.81	65.00
Nam	323	308	95.36	4.64	58.12
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	323	318	98.45	1.55	71.07
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	45	42	93.33	6.67	69.05
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	185	163	88.11	11.89	40.49
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	22	22	100.00	0.00	68.18
Người Da trắng	17	14	82.35	17.65	57.14
Sinh viên nói tiếng anh	82	72	87.80	12.20	6.94
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	255	243	95.29	4.71	55.97
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	46	39	84.78	15.22	15.38

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	602	571	94.85	5.15	39.58
Nữ	279	262	93.91	6.09	36.26
Nam	323	309	95.67	4.33	42.39
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	323	319	98.76	1.24	56.11
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	45	44	97.78	2.22	29.55
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	185	163	88.11	11.89	10.43
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	22	22	100.00	0.00	45.45
Người Da trắng	17	14	82.35	17.65	42.86
Sinh viên nói tiếng anh	82	73	89.02	10.98	8.22
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	255	242	94.90	5.10	30.99
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	46	38	82.61	17.39	13.16

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CAST và CAA. “Phần trăm đáp ứng hoặc vượt qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của CAST cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3 - Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Môn học	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	40.51	40.09	37.64	38.21	29.47	30.29

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	1161	1098	94.57	5.43	39.98
Nữ	578	548	94.81	5.19	39.60
Nam	583	550	94.34	5.66	40.36
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	614	591	96.25	3.75	53.13
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	14	13	92.86	7.14	30.77
Người Phi Luật Tân	96	94	97.92	2.08	36.17
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	350	319	91.14	8.86	18.18
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	35	33	94.29	5.71	33.33
Người Da trắng	46	42	91.30	8.70	42.86
Sinh viên nói tiếng anh	140	121	86.43	13.57	1.65
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	20	19	95.00	5.00	10.53
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	484	457	94.42	5.58	31.73
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	93	84	90.32	9.68	3.57

Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2022 – 2023

Chúng tôi có dạy các môn chuyên ngành Kinh doanh. Ngoài ra, chúng tôi có các khóa học giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật (CTE) sau đây: Công nghệ Thông tin Máy tính, Nhập môn Kinh doanh, Thiết kế web, Kinh tế học về Quyền sở hữu Doanh nghiệp và Kinh nghiệm Làm việc. Học sinh ở nhiều lớp học của chúng tôi được lấy tín chỉ đại học của Đại học Mission, San Jose City và Evergreen Valley. Chúng tôi liên kết với Mạng lưới Giảng dạy về Khởi nghiệp (NFTE). Trong bốn năm qua, học sinh của nhà trường đã thi đấu và giành chiến thắng ở vòng chung kết quốc gia. Một học sinh của nhà trường giành giải nhì cuộc thi quốc gia và là một trong năm học sinh được gặp Tổng thống Hoa Kỳ tại Phòng Bầu dục. Chúng tôi cũng triển khai Lộ trình Học tập Liên kết, chú trọng vào việc thu hút nhiều học sinh học AP Khoa học Máy tính hoặc AP Khoa học máy tính Căn Bản và mang lại nhiều cơ hội cho học sinh được làm việc với các chuyên gia trong ngành.-----

Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2022 – 2023

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	328

Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	84.6
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh ghi danh vào các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2022 – 2023	98.06
Học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để vào UC/CSU năm học 2021 – 2022	59.24

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California năm học 2022 – 2023

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất Tiểu bang California. Công tác quản lý PFT trong các năm học 2021 – 2022 và 2022 – 2023, chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 9	93.8	85.6	95.8	95.3	94.7

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2023 – 2024

Một trong những điểm mạnh lớn nhất của Silver Creek là sự hỗ trợ và tham gia tuyệt vời của các vị phụ huynh. Phụ huynh tại Silver Creek là thành viên được bầu của Hội đồng Cơ sở Trường học (SSC) và Ủy ban Cố vấn Học viên Tiếng Anh (ELAC). Các cuộc họp của cả hai cơ quan này đều mở cửa cho tất cả phụ huynh và công chúng. Ngoài việc phục vụ ở SSC và ELAC,

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2023 – 2024

nhiều phụ huynh còn tham gia vào School Beautification Group (Nhóm Tô điểm Trường học), Latino Parents in Action (Phụ huynh gốc Latinh Hành động), African American Parent Coalition (Liên minh Phụ huynh Người Mỹ Gốc Phi), Vietnamese Parent Group (Nhóm Phụ huynh Người Việt) và Hội Phụ huynh-Giáo viên-Học sinh (PTSA) của Silver Creek. PTSA của nhà trường luôn tích cực làm việc để hỗ trợ và đáp ứng nhu cầu của các em học sinh nói riêng và của nhà trường nói chung. Nhờ việc gây được nhiều quỹ, PTSA đã có thể tài trợ một vài công nghệ và dự án để làm đẹp cho khuôn viên trường, giúp trợ cấp cho giáo viên mới, hỗ trợ cho những chuyến thăm trường trung học cơ sở, quảng bá tích cực và tôn vinh khối 12 tốt nghiệp mỗi năm bằng Học bổng PTSA.

Silver Creek khuyến khích mạnh mẽ sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng, đồng thời thường xuyên thông báo cho gia đình về các vấn đề ở trường học cũng như các dịch vụ và nguồn lực hỗ trợ trong cộng đồng. Thông tin về tính chuyên cần, lịch học và ngày kiểm tra thường xuyên được gửi về nhà cho cha mẹ. Thông tin về sự kiện của trường, cập nhật từ các tổ chức phụ huynh khác cũng như thông tin về trường đại học và cộng đồng được đăng tải thường xuyên trên trang mạng của Silver Creek và gửi về nhà qua School Loop. Trang mạng của trường còn cung cấp quyền truy cập vào lượng lớn thông tin về hoạt động và chương trình của nhà trường. Giáo viên có thể đăng bài tập về nhà, điểm số và thông tin chuyên cần qua School Loop, cho phép phụ huynh và học sinh được tiếp cận nhiều thông tin hơn. Hiệu trưởng cũng tổ chức Trò chuyện với ly cà phê qua Zoom mỗi tháng một lần. Các gia đình có cơ hội được biết về những gì đang diễn ra ở trường.

Nhằm hỗ trợ phụ huynh, hiệu trưởng tổ chức buổi trò chuyện với ly cà phê mỗi tháng. Silver Creek tổ chức nhiều đêm chia sẻ thông tin cho phụ huynh, chẳng hạn như đêm chia sẻ thông tin Hỗ trợ Tài chính, Định hướng Phụ huynh Học sinh lớp 9, gặp gỡ và nói chuyện với đội ngũ quản lý và giảng dạy. Nhà trường có Parent Center (Trung tâm Phụ huynh), có Chuyên viên Gắn kết Phụ huynh và Cộng đồng làm việc toàn thời gian với nhiệm vụ bênh vực tất cả phụ huynh và cung cấp bất kỳ nguồn lực hỗ trợ nào mà họ có thể cần.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Trung học 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Tỷ Lệ Bỏ Học	4.1	3	3.2	14	13.6	15.2	9.4	7.8	8.2
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	92.4	95.4	94.4	77.2	81.5	77.8	83.6	87	86.2

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
---------------	--------------------	-------------------------------	-----------------------------------

Bắt kỳ học sinh	555	524	94.4
Nữ	307	296	96.4
Nam	248	228	91.9
Phi nhị giới			
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--
Người gốc Châu Á	292	284	97.3
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--
Người Phi Luật Tân	50	49	98.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	157	139	88.5
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	14	13	92.9
Người Da trắng	31	28	90.3
Sinh viên nói tiếng anh	92	81	88.0
Những đứa con nuôi	0.0	0.0	0.0
Vô gia cư	11	10	90.9
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	287	263	91.6
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	--	--	--
Học sinh khuyết tật	46	33	71.7

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bắt kỳ học sinh	2407	2359	401	17.0
Nữ	1203	1172	212	18.1
Nam	1203	1186	189	15.9
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	8	8	5	62.5
Người gốc Châu Á	1228	1211	91	7.5
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	35	31	5	16.1
Người Phi Luật Tân	194	194	23	11.9
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	783	757	237	31.3
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	12	12	6	50.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	60	60	14	23.3
Người Da trắng	87	86	20	23.3
Sinh viên nói tiếng anh	371	364	65	17.9
Những đứa con nuôi	4	4	0	0.0
Vô gia cư	53	52	20	38.5

Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1031	1011	216	21.4
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	8	7	2	28.6
Học sinh khuyết tật	209	204	77	37.7

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.

Tốc độ	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Trường 2022-23	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Học khu 2022-23	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23
Đình chỉ	0.00	2.32	3.45	0.03	3.41	3.72	0.20	3.17	3.60
Đuổi học	0.00	0.32	0.00	0.00	0.08	0.05	0.00	0.07	0.08

Tình trạng đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm học 2022 – 2023

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	3.45	0
Nữ	3.16	0
Nam	3.74	0
Phi nhị giới		
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0
Người gốc Châu Á	0.73	0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	11.43	0
Người Phi Luật Tân	0	0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	8.05	0
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	3.33	0
Người Da trắng	3.45	0
Sinh viên nói tiếng anh	2.96	0
Những đứa con nuôi	0	0
Vô gia cư	11.32	0

Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	5.53	0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0	0
Học sinh khuyết tật	11.96	0

Kế hoạch Đảm bảo an toàn Trường học năm học 2023 – 2024

Như tất cả trường học thuộc East Side Union High School District, Silver Creek có kế hoạch an toàn toàn diện được cập nhật hàng năm, bao gồm các quy trình và thủ tục an toàn ở nhà trường, các quy định và hướng dẫn phòng trường hợp khẩn cấp. Hàng năm, Kế hoạch An toàn được đánh giá lại, chỉnh sửa, cập nhật và trình lên Hội đồng Cơ sở Trường học – cơ quan có sự tham gia của phụ huynh, học sinh, giáo viên và quản trị viên. Mục tiêu An toàn của Nhà trường cũng được trình lên chính cơ quan này xin chấp thuận, rồi trình lên Hội đồng Chương quản của nhà trường để được phê duyệt. Đánh giá mục tiêu an toàn đã được nộp cho SSC vào tháng Ba năm 2023. Kế hoạch được sử dụng trong các cuộc diễn tập sơ tán, chạy trốn, ẩn náu, phòng thủ, hòa hoãn và động đất hàng năm. Hiệu phó (APA), Cố vấn và Giám sát Khuôn viên trường học thường xuyên để trao đổi về các vấn đề an toàn của nhà trường. Hiệu phó (APA) và nhóm đặc trách an toàn họp hai lần mỗi học kỳ. Mục tiêu chính của các cuộc họp là tái xét mục tiêu an toàn, đánh giá và tái xét bất kỳ giao thức nào cần được cập nhật.-----

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27	13	76	8
Toán	29	10	44	25
Khoa học	30	6	45	24
Khoa học Xã hội	29	10	35	32

2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	16	81	
Toán	28	12	57	10
Khoa học	29	7	59	8
Khoa học Xã hội	28	15	56	14

2022-23 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2022-23. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	20	70	4
Toán	29	10	50	14
Khoa học	30	7	52	12
Khoa học Xã hội	28	15	52	13

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	463

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	5
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.5
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	2
Y Tá	
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	
Khác	6

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết chi tiêu trung bình cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2021 – 2022 của nhà trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$11,295	\$2,798	\$8,496	\$113,901
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$9,513	\$105,255
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-11.3	12.3
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,607	\$97,850
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	25.2	19.0

Các loại dịch vụ được tài trợ năm tài chính 2022 – 2023

Nguồn tài trợ cho từng mục tiêu của trường Trung học Phổ thông Silver Creek (SCHS) được dùng để hỗ trợ cho những dịch vụ mà học sinh được nhận, đặc biệt là những học sinh có hoàn cảnh đặc biệt nhất. Một trong những nhu cầu lớn nhất được xác định là việc thiếu cố vấn học tập. Vì vậy, chúng tôi đã có thể trả lương cho một vị trí cố vấn học tập chung, để giảm tỷ lệ học sinh – cố vấn. Hiện, nhà trường có 6 cố vấn học tập cho 2.500 học sinh. Một vài nhóm được nhà trường xác định là cần thêm nguồn lực hỗ trợ là các Học viên Tiếng Anh, học sinh thuộc hệ thống chăm sóc bảo dưỡng và học sinh vô gia cư. Một lĩnh vực trọng tâm khác là giúp thúc đẩy toàn bộ học sinh và giáo viên tiến xa hơn trong việc triển khai Tiêu chuẩn của Tiểu bang về Cốt lõi chung. Triển khai Tiêu chuẩn của Tiểu bang về Cốt lõi chung sẽ bắt buộc sử dụng công nghệ trong lớp học. Nhà trường đang đưa nhiều công nghệ vào phòng học bằng cách mua máy đọc/máy tính bảng cho cả lớp, để cả học sinh và giáo viên đều cảm thấy thoải mái hơn với việc sử dụng công nghệ. Ngoài ra, nguồn tài trợ cho từng mục tiêu được sử dụng để cải thiện giao tiếp với tất cả các bên liên quan, bằng cách tài trợ cho nhân viên dịch thuật tất cả thông tin được gửi về nhà sang Tiếng Tây Ban Nha và Tiếng Việt.

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm tài chính 2021 – 2022

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$64,471	\$57,234
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$101,894	\$95,467
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$130,638	\$122,669
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$0	
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$0	\$153,476
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$171,239	\$173,198
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$280,339	\$277,572
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	32.81%	31.17%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	3.17%	4.46%

Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2022 – 2023

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	36.7
--	------

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	4
Tiếng Anh	8
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	3
Ngoại ngữ	4
Toán	8
Khoa học	12
Khoa học Xã hội	12
Tổng số khóa học AP đã cung cấp Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.	51

Phát triển Chuyên môn

Đội ngũ nhân viên phát triển kỹ năng giảng dạy trong suốt cả năm, bằng cách tham gia vào hội thảo, hội nghị và phát triển chuyên môn dựa trên từng cơ sở nhà trường. Silver Creek High School cung cấp cho giáo viên cơ hội tương tác với đồng nghiệp trong các buổi họp của bộ phận và tham gia phát triển chuyên môn ở nhà trường vào những ngày học nửa buổi. Trọng tâm Phát triển Chuyên môn của nhà trường là xây dựng chương trình học, đánh giá kiến thức chung, nghiên cứu dữ liệu (cả

Phát triển Chuyên môn

hành vi và học tập), học hỏi cảm xúc xã hội, đồng thời luôn giữ tâm niệm “bình đẳng cho tất cả”. Để giúp phần đông giáo viên với những nhu cầu cụ thể của từng người, Nhóm Phát triển Chuyên môn đã xây dựng các cấu phần khác nhau với mô-đun để giáo viên có thể đăng ký tham gia trong thời gian hợp tác. Thời gian hợp tác của năm học 2022 – 2023 là 180 phút, được tổ chức mỗi thứ Tư hằng tuần. District Office (Văn phòng Học khu) có tổ chức thời gian phát triển cho nhân viên hàng năm, mang lại cho giáo viên nhiều cơ hội phát triển chuyên môn về chương trình học, chiến lược và phương pháp giảng dạy. Huấn luyện viên giảng dạy được SCHS tài trợ để giúp giáo viên mới suy ngẫm về những phương pháp thực hành tốt nhất và tiếp tục phát triển chuyên môn. Chúng tôi cũng tổ chức phát triển chuyên môn hàng tháng sau giờ học cho những giáo viên có ít hơn năm năm kinh nghiệm.-----

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2021-22	2022-23	2023-24
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	34	34	34